

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 12 – 7 – 2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung,  
tài sản chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Văn Hiển

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Ngọc H, sinh năm 2001; Cư trú tại: Ấp HG, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Ngô Quốc D, sinh năm 1996; Cư trú tại: Ấp BH, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Hồng P, sinh năm 1978; Cư trú tại: Ấp BH, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Dương Ngọc H trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị H và anh D tổ chức đám cưới ngày 29/4/2019, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ĐD vào ngày 31/12/2019. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và cãi nhau, gia đình và thân tộc hai bên có nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, chủ yếu cự cãi trong vấn đề nuôi con. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, yêu thương, mỗi

người có cuộc sống riêng, không ai trách nhiệm với ai, đã ly thân hai tháng. Nay chị H xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có một con chung tên Ngô Đăng K, sinh ngày 10/4/2020. Hiện tại cháu sống với anh D và ông bà nội. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Trong ngày cưới, vợ chồng được cha mẹ chồng tặng cho chung 10 chỉ vàng 24k (gồm lắc tay, nhẫn trơn và dây chuyền) và 03 chỉ vàng 18k (gồm nhẫn kiềng, nhẫn cưới và đôi bông đều không rõ trọng lượng cụ thể). Đối với số vàng 24k đã bán đưa cho mẹ chồng là Trần Hồng P cho vay lấy lãi đóng hui, hiện tại số tiền từ việc bán vàng do bà P cất giữ, số vàng 18k hiện do anh D cất giữ. Tại phiên tòa, chị H xin rút lại yêu cầu phân chia tài sản, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Ngô Quốc D trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Giữa anh và chị H qua mai mối và tìm hiểu nhau khoảng 20 ngày thì tự nguyện kết hôn với nhau. Quá trình chung sống chị H tính tình nóng nảy có đánh anh D nhiều lần, mâu thuẫn giữa hai bên chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, trong vấn đề nuôi dạy con cái, vợ chồng đã ly thân hai tháng nay. Hiện tại anh D xác định cuộc sống hôn nhân không có khả năng hàn gắn và không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có một con chung tên Ngô Đăng K, sinh ngày 10/4/2020. Hiện tại cháu sống với cha và ông bà nội. Anh D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng được tặng cho trong ngày kết hôn như số vàng chị H trình bày, sau khi cưới tất cả số vàng số vàng 24k đều do anh và chị H cất giữ. Vào ngày 18/4/2021, chị H có gỡ số vàng 18k đeo trên người đưa cho anh, chị H đưa anh để lên chiếc chiếu, anh có lấy bỏ vào tủ cất và đi ra ngoài, sau khi chị H đi thì anh phát hiện toàn bộ số vàng trên không còn, anh D không cất giữ vàng và mẹ anh cũng không bán vàng cho vay như chị H trình bày. Chị H rút lại yêu cầu chia tài sản, anh D đồng ý và cũng không đặt ra yêu cầu gì.

- Về nợ chung: Anh D xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

\* *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Hồng P trình bày:*

Bà xác định có tặng cho chị H, anh D trong ngày kết hôn 10 chỉ vàng 24k (gồm lắc tay 5 chỉ, nhẫn trơn 1 chỉ và một dây chuyền 4 chỉ) và 03 chỉ vàng 18k (gồm nhẫn kiềng, nhẫn cưới và đôi bông đều không rõ trọng lượng cụ thể từng loại). Sau khi kết hôn, chị H và anh D làm kinh tế riêng, bà có cho nguồn thu hoạch từ phần ruộng để anh D xỏ ruộng lấy tiền chăm lo gia đình và nuôi con nên bà xác định không bán vàng hay quản lý vàng như chị H trình bày. Việc chị H rút lại yêu cầu phân chia vàng bà đồng ý, không yêu cầu gì khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị H và anh D chung sống vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, chị H và anh D đều xác định do bất đồng quan điểm sống trong quá trình chung sống và nuôi dạy con, nay tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, không có khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị H được ly hôn với anh D là phù hợp.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị H, anh D thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi chị H và anh D ly thân nhau đến nay con chung ở với anh D nhưng chị H không ẵm con về nuôi là có lý do khách quan, anh D và bà P không đồng ý cho chị H ẵm cháu đi, việc này được anh D và bà P thừa nhận. Ngoài ra, tại phiên tòa anh D xác định anh đang đi nuôi tôm công nghiệp thuê, không trực tiếp chăm sóc cháu, mà bà P là người trực tiếp chăm sóc. Mặc dù chị H và anh D đều xác định có thu nhập đảm bảo điều kiện kinh tế nuôi con nhưng chị H với điều kiện kinh tế tại nhà nên có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc con hơn anh D, ngoài ra con chung của anh chị còn nhỏ, chỉ vừa 15 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc từ người mẹ mới đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất cho cháu. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Từ những cơ sở nêu, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Ngô Đăng K cho chị H nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, anh D không đồng ý. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”* và theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao *“mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”*. Do đó, để anh D có điều kiện thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền 750.000 đồng/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Do hiện tại cháu K đang ở cùng anh D, nên thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị H xin rút lại yêu cầu phân chia tài sản chung, yêu cầu được tự thỏa thuận với anh D, anh D và bà P đồng ý và không yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản chung của chị H là phù hợp. Trường hợp không thỏa thuận được, các đương sự có quyền yêu cầu bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về các vấn đề khác: Chị H và anh D xác định không có nên Hội đồng xét

xử không đặt ra xem xét là đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng; anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc H.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Ngọc H được ly hôn anh Ngô Quốc D.

1.2. Về con chung: Giao Ngô Đăng K, sinh ngày 10/4/2020 cho chị Dương Ngọc H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Quốc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Đăng K số tiền 750.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Ngô Quốc D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị H đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng anh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc H về việc yêu cầu phân chia tài sản chung gồm 10 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Ngọc H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012153 ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Ngọc H không phải chịu, hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 886.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012154 ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD.

3.3. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Quốc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Ngọc Trúc**